

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5. Các khoản đầu tư tài chính****5.1 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Ngày 30/09/2023			Ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	70,000,000,000		70,000,000,000	50,000,000,000	-	50,000,000,000
Công ty CP Giống gia cầm Lương Mỹ	866,640,000	(866,640,000)	-	866,640,000	(866,640,000)	-
	-	-	-	-	-	-
Cộng	70,866,640,000	(866,640,000)	-	50,866,640,000	(866,640,000)	-

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngày 30/09/2023	Ngày 01/01/2023
Dự phòng giảm giá các khoản ĐTDH đầu kỳ	(866,640,000)	(866,640,000)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: SD và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐTDH cuối kỳ	(866,640,000)	(866,640,000)

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con

Hoạt động tài chính của Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1 trong kỳ hoạt động từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 là sản xuất kinh doanh Thuốc thú y. Trong hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 30/09/2023 Công ty phát sinh giao dịch với Công ty con số tiền: 20.000.000.000 đồng Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty con theo NQ ĐHĐCĐ số: 41-2022/NQ-DHĐCĐBT ngày 22/10/2022.

Tại thời điểm 30/09/2023 Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2023 bởi chuẩn mực kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

6.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Ngày 30/09/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	1,068,177,671	(1,040,177,670)	1,120,055,839	(1,040,177,670)
Công ty CP giống vật nuôi & cây trồng Đồng Giao	79,818,093	(79,818,093)	79,818,093	(79,818,093)
<i>Các đối tượng khác</i>	988,359,578	(960,359,577)	1,040,237,746	(960,359,577)
Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TWI tại Hồ Chí Minh	473,524,480	(473,524,480)	473,524,480	(473,524,480)
- Lê Thị Hương	40,525,540	(40,525,540)	40,525,540	(40,525,540)
- Lê Đức Hùng	65,716,994	(65,716,994)	65,716,994	(65,716,994)
<i>Các đối tượng khác</i>	367,281,946	(367,281,946)	367,281,946	(367,281,946)
Cộng	1,541,702,151	(1,513,702,150)	1,593,580,319	(1,513,702,150)

6.2 Phải thu của khách hàng dài hạn

	Ngày 30/09/2023	Ngày 01/01/2023
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW I	9,621,948,409	9,621,948,409
Cộng	9,621,948,409	9,621,948,409
Tổng cộng	11,163,650,560	(1,513,702,150)
		11,215,528,728

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 30/09/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549,354,252	(549,354,252)	549,354,252	(549,354,252)
- Công ty CP ĐT XD&TM Ao Sen	130,000,000	(130,000,000)	130,000,000	(130,000,000)
Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY			41,250,000	
Cộng	679,354,252	(679,354,252)	720,604,252	(679,354,252)

3.2 Trả trước người bán với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục 28.1 Thông tin với các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****8. Các khoản phải thu khác****8.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	Ngày 30/09/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	30,568,347,490	(2,691,686,118)	31,353,470,952	(2,691,686,118)
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW I	27,239,281,664		25,694,080,756	
- Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine co,LTD			2,330,324,370	
- Lê Hữu Tuấn	637,379,708		637,379,708	
- Nguyễn huy Đức	629,034,000	(629,034,000)	629,034,000	(629,034,000)
- Đỗ Hoàng Hòa	912,020,000	(912,020,000)	912,020,000	(912,020,000)
- Tạm ứng		-	25,484,148	(25,484,148)
- Phải thu khác	1,150,632,118	(1,150,632,118)	1,125,147,970	(1,125,147,970)
CN CTCP Thuốc Thú y TWI tại Hồ Chí Minh	814,709,474	(814,709,474)	814,709,474	(814,709,474)
- Lê Đức Hùng	472,000,000	(472,000,000)	472,000,000	(472,000,000)
- Tạm ứng	299,208,492	(299,208,492)	299,208,492	(299,208,492)
- Phải thu khác	43,500,982	(43,500,982)	43,500,982	(43,500,982)
CN CTCP Thuốc Thú y TWI tại Đà Nẵng	-	-	-	-
Tạm ứng		-		-
Các đối tượng khác				
Cộng	31,383,056,964	(3,506,395,592)	32,168,180,426	(3,506,395,592)

8.2 Phải thu khác với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục 28.1 Thông tin với các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

9. NỢ XẤU

	Ngày 30/09/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	5,699,451,994	-	5,699,451,994	-
Phải thu khách hàng	1,513,702,150		1,513,702,150	
+ Đại lý Trần Văn Điệp	65,276,477	-	65,276,477	-
+ Đại lý Nguyễn Văn Thiên	29,920,213	-	29,920,213	-
+ Các đối tượng khác	1,418,505,460		1,418,505,460	
Trả trước cho người bán	679,354,252	-	679,354,252	-
+ Công ty CP Công Nghệ Hoàng Hải	549,354,252	-	549,354,252	-
+ Công ty CP ĐT XD&TM Ao Sen	130,000,000	-	130,000,000	-
		-		-
Phải thu khác	3,506,395,592	-	3,181,702,952	-
+ Nguyễn Huy Đức	629,034,000	-	629,034,000	-
+ Đỗ Hoàng Hòa	912,020,000	-	912,020,000	-
+ My Duy Thắng	320,664,196	-	320,664,196	-
+ Đặng Văn Dũng	284,486,568	-	284,486,568	-
+ Các đối tượng khác	1,360,190,828	-	1,035,498,188	-
Tạm ứng	-	-	324,692,640	-
+ Các đối tượng khác		-	324,692,640	-
Cộng	5,699,451,994	-	5,699,451,994	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, trang thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2023	8,862,709,301	2,659,690,690	2,263,650,080	873,247,084	14,659,297,155
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2023	8,862,709,301	2,659,690,690	2,263,650,080	873,247,084	14,659,297,155
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2023	4,505,147,818	2,607,309,790	2,224,692,697	772,476,867	10,109,627,172
Khấu hao trong kỳ	214,962,684	28,809,513	3,654,346	12,596,283	260,022,826
Khấu hao trong kỳ	-	-	35,303,037	-	35,303,037
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2023	4,720,110,502	2,636,119,303	2,263,650,080	785,073,150	10,404,953,035
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	4,357,561,483	52,380,900	38,957,383	100,770,217	4,549,669,983
Tại ngày 30/09/2023	4,142,598,799	23,571,387	-	88,173,934	4,254,344,120

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 6.128.450.417 đồng
 Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng: đồng
 Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2023	59,500,000		59,500,000
Tăng khác		-	-
Tại ngày 30/09/2023	59,500,000	-	59,500,000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2023	59,500,000		59,500,000
Khấu hao trong năm			-
Tại ngày 30/09/2023	59,500,000	-	59,500,000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2023	-	-	-
Tại ngày 30/09/2023	-	-	-

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

59.500.000 đồng

12. Phải trả người bán**11.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Ngày 30/09/2023		Ngày 01/01/2023	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I	8,443,915,400	11,000,000	9,066,388,873	14,727,273
- Công ty TNHH công trình thiết kế Nam Ninh	1,854,766,353		1,854,766,353	
- Công ty cp Thành Nhơn	769,827,064		1,229,827,064	
- Công ty CP sản xuất & TM Thái Sơn	2,039,287,641		2,154,287,641	
- Các đối tượng khác	3,780,034,342	11,000,000	3,827,507,815	14,727,273
CN CTCP Thuốc Thú y TW I tại TP HCM	2,521,723,543	2,499,323,543	2,521,723,543	2,499,323,543
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	2,499,323,543	2,499,323,543	2,499,323,543	2,499,323,543
- Các đối tượng khác	22,400,000		22,400,000	
Cộng	10,965,638,943	2,510,323,543	11,588,112,416	2,514,050,816

11.2 Phải trả người bán với bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục 28.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****13. Người mua trả tiền trước****13.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Ngày 30/09/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I	-	-	-	-
Các đối tượng khác		-	-	-
CN CTCP Thuốc Thú y TW I tại TP HCM	23,055,159	-	23,055,159	-
- Trung tâm NC & PT Chăn nuôi Heo Bình Thắng	14,962,500		14,962,500	
- Phải trả cho các đối tượng khác	8,092,659		8,092,659	
Cộng	23,055,159	-	23,055,159	-

12.2 Người mua trả tiền trước với các bên liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**14.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Ngày 01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30/09/2023
Thuế giá trị gia tăng	316,774,278	291,699,432	375,956,183	232,517,527
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	305,375,271	167,000,000	138,375,271
Thuế thu nhập cá nhân	862,107,463	21,998,544	882,154,132	1,951,875
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	444,671,496	327,499,253	117,172,243
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	4,000,000	4,000,000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	777,626,280	22,646,721	719,150,703	81,122,298
Cộng	1,956,508,021	1,090,391,464	2,475,760,271	571,139,214